

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 331/BC-UBND

Bảo Lộc, ngày 17 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO**

**V/v Tự đánh giá kết quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2020**

Thực hiện Quyết định 625/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành mẫu phiếu đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, UBND thành phố Bảo Lộc báo cáo kết quả tự đánh giá chấm điểm việc giải quyết thủ tục hành chính năm 2020 của UBND thành phố và các phường, xã theo biểu mẫu số 03 như sau:

1. UBND thành phố đánh giá về kết quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2020 (theo biểu số 03 đính kèm).

2. UBND các phường, xã:

Xếp thứ hạng như sau:

<b>Cơ quan. Đơn vị</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Điểm tự chấm</b>	<b>Điểm thẩm định</b>
UBND phường Lộc Phát	18	16	15
UBND phường Lộc Sơn	18	16	15
UBND phường 1	18	16	15
UBND xã Lộc Thanh	18	16	15
UBND phường 2	18	15	14
UBND phường Lộc Tiến	18	15	14
UBND phường BLao	18	15	14
UBND xã Lộc Châu	18	15	14
UBND xã Lộc Nga	18	15	14

UBND xã ĐamBri	18	15	14
UBND xã Đại Lào	18	15	14

Trên đây là báo cáo tự đánh giá kết quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2020 của UBND thành phố Bảo Lộc./-

***Nơi nhận:***

- Văn phòng UBND tỉnh (phòng KSTTHC);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các phòng ban chuyên môn;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**CHỦ TỊCH**

**Đoàn Kim Đình**

**PHIẾU SỐ 03**

**ĐÁNH GIÁ VIỆC GIẢI QUYẾT TTHC CỦA UBND TP BẢO LỘC**  
(Ban hành theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh)

**KỲ ĐÁNH GIÁ: Năm 2020**

Cơ quan, đơn vị, tổ chức: UBND TP BẢO LỘC

Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ: **tiếp nhận 10.357 hồ sơ, số hồ sơ tồn chuyển sang là 497 hồ sơ, đã giải quyết 9.716 hồ sơ (trong đó giải quyết trước hạn 673 hồ sơ, đúng hạn 8.416 hồ sơ, trễ hạn 714 hồ sơ, đang giải quyết 546 hồ sơ (có 443 hồ sơ còn trong hạn giải quyết, 103 hồ sơ quá hạn chưa giải quyết ))**.

Tổng hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ: 10.357 hồ sơ.

STT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tổng thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính</b>	<b>2</b>	<b>1,5</b>	
	Trước hạn so với thời gian quy định	2	1.1	
	Đúng hạn so với thời gian quy định	1	0.4	
	Trễ hạn so với thời gian quy định	0	0	
<b>2</b>	<b>Thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết thủ tục hành chính</b>	<b>2</b>	<b>1.5</b>	
	Trước hạn so với thời gian quy định	2	1.1	
	Đúng hạn so với thời gian quy định	1	0.4	
	Trễ hạn so với thời gian quy định	0	0	
<b>3</b>	<b>Số lần tổ chức, cá nhân phải liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả theo hình thức trực tuyến)</b>	<b>2</b>	<b>2.0</b>	
	Không phải liên hệ lần nào	2	2.0	
	Chỉ liên hệ một lần	1	0	
	Phải liên hệ hơn một lần (trừ trường hợp nguyên nhân do lỗi của người nộp hồ sơ)	0	0	
<b>4</b>	<b>Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả theo</b>	<b>2</b>	<b>2.0</b>	

	<b>hình thức trực tuyến)</b>			
	Không phải liên hệ với cơ quan, đơn vị, tổ chức nào để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính	2	2.0	
	Phải liên hệ với một cơ quan, đơn vị, tổ chức là bộ phận một cửa để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính	1	0	
	Phải liên hệ với hơn một cơ quan, đơn vị, tổ chức để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính	0	0	
<b>5</b>	<b>Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC.</b>	<b>2</b>	<b>2.0</b>	
	Tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ sớm hơn thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật	2	2.0	
	Tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ đúng thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật	1		
	Có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật (trừ TH phản ánh, kiến nghị được cơ quan có thẩm quyền xác minh, kết luận là không đúng hoặc vu cáo)	0		
<b>6</b>	<b>Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận một cửa các cấp</b>	<b>2</b>	<b>2.0</b>	
	100% TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã; tối thiểu 50% TTHC được tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; 100% TTHC được tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	2	2.0	
	100% TTHC thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã.	1		
	Dưới 100% TTHC thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã.	0		
<b>7</b>	<b>Công khai các thủ tục hành chính</b>	<b>2</b>	<b>2.0</b>	

	Công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng cả hai hình thức niêm yết và điện tử	2	2.0	
	Công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng một trong hai hình thức niêm yết hoặc điện tử	1		
	Không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời	0		
<b>8</b>	<b>Tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân</b>	<b>2</b>	<b>2.0</b>	
	Không có phản ánh, kiến nghị hoặc 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài	2	2.0	
	Tối thiểu từ 90% phản ánh, kiến nghị trở lên được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài	1		
	Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định hoặc có phản ánh, kiến nghị kéo dài	0		
<b>9</b>	<b>Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền</b>	<b>2</b>	<b>1.0</b>	
	Tối thiểu 20% TTHC đáp ứng yêu cầu được đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%; và không có hồ sơ trực tuyến nào không giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	2		
	Có triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với TTHC đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 15% đến dưới 30%; và không có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	1	1.0	
	Không triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hoặc tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt dưới 15%; hoặc có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	0		
<b>TỔNG ĐIỂM</b>		<b>18</b>	<b>16.0</b>	